

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 23 – 8 – 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Quang Trung.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Vũ Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khu phố R A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* - Ông Lê Văn T, sinh năm: 1972.

- Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1976 (tên gọi khác: Nguyễn Thị X).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã V B, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn bà D có mặt; Bị đơn ông T và bà P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc D trình bày:*

Vào ngày 28/12/2019, vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P ( tên gọi khác: X) có đến hỏi mượn của bà số tiền 260.000.000 đồng, khi mượn có làm giấy biên nhận ký tên Lê Văn T hẹn mỗi tháng sẽ trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đã qua thời gian dài bà đã nhiều lần đòi vợ chồng ông T nhưng ông T, bà P cứ né tránh mà không trả. Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T, bà

Nguyễn Kim P phải liên đới trả cho bà số tiền nợ vay gốc là 260.000.000 đồng. Nguồn tiền của bà cho vay là từ tiền hốt hụi đầu hụi 5.000.000 đồng và lãnh hụi được 96.000.000 đồng, hai bên thống nhất ông T, bà P phải đóng hụi chết 28 lần tương ứng số tiền 140.000.000 đồng, đến nay hụi đã mãn hạn nhưng ông T, bà P chưa đóng được khoản nào, hiện nay bà D đã đóng hụi xong cho những người tham gia hụi. Ngoài ra bà D còn lấy tiền nhà cho ông T, bà P vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Đến ngày 28/12/2019, đã đối chiếu nợ xong có làm biên nhận nợ và giao kèo mỗi tháng trả 3.000.000 đồng và bà D có nhận của ông T số tiền 5.500.000 đồng.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, bà D yêu cầu giám định chữ ký, mẫu chữ ký thu thập từ bà Nguyễn Thị K O là người cùng với ông T tham gia hụi có làm biên nhận hụi và đang được bà O lưu giữ lại cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

Bản kết luận giám định số: 324/KL-KTHS ngày 18 tháng 4 năm 2022: Kết luận về đối tượng giám định chữ viết “T” (chữ ký) và “Lê Văn T” bằng bút bíc màu xanh, ở dưới phải tờ “Biên nhận” (đóng dấu TLCGD), ký hiệu A) với : Chữ viết bắt đầu “Lê Văn T...” và kết thúc “...đủ” bằng bút bíc màu xanh trên tờ biên nhận (đóng dấu TLMMSS, ký hiệu M1), chữ viết bắt đầu “ngày...” và kết thúc “..T” bằng bút màu xanh trên tờ biên nhận (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M2), chữ viết bắt đầu “Cộng...” và kết thúc “...Lê Văn T” bằng bút bíc màu xanh trên tờ biên nhận (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M3) là do cùng một người viết ra.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P cố tình vắng mặt, Tòa án đã niêm yết các giấy tố tụng, ông bà đã biết nhưng không đến giải quyết. Nên Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D khởi kiện ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử thực hiện đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà D yêu cầu ông T, bà P liên đới trả cho bà tổng số tiền nợ vay là 260.000.000 đồng, nợ đến hạn tính từ ngày 10/02/2020 (âm lịch) đến ngày xét xử là 23/8/2022 là 29 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 87.000.000 đồng. Nhưng khấu trừ phần nghĩa vụ mà ông T, bà P đã thực hiện xong 5.500.000 đồng còn lại 81.500.000 đồng. Bà D yêu cầu ông T, bà P tiếp tục trả cho bà số tiền còn lại 173.000.000 đồng với hình thức thanh toán là mỗi tháng trả cho bà 3.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của tháng cho đến hết và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả là có cơ sở chấp nhận: vì căn cứ vào “biên nhận này 28/12/2019” có chữ ký của ông T thể hiện ông T có vay của bà D số tiền 260.000.000 đồng và bắt đầu đóng 3.000.000 đồng/tháng từ ngày 10/02/2020 âm lịch cho đến hết, không ghi lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản và không tính lãi suất. Ngoài ra, Kết luận

giám định số: 324/KL-KTHS ngày 18/4/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An xác định chữ ký trong tờ biên nhận ngày 28/12/2019 là chữ ký của ông Tâm. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập ông T, bà P nhiều lần nhưng ông T, bà P vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền lợi hợp pháp của mình. Do ông T, bà P là vợ chồng và theo lời khai của bà D thì ông T vay tiền để làm ăn và mua sắm vật dụng trong gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà D là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 463, 466 BLDS năm 2015. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo qui định của pháp luật.

Bị đơn ông T, bà P có nơi cư trú tại ấp 4, xã V B, huyện T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông T, bà P nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do tại các phiên họp và hoà giải, không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông T, bà P là đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của BLTTDS là có căn cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***1. Về thủ tục tố tụng:***

Bà Huỳnh Thị Ngọc D kiện yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P phải liên đới trả tiền vay, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P cư trú tại ấp 4, xã V B, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### ***2. Về nội dung vụ án:***

[1] Bà Huỳnh Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P (tên gọi khác là X) phải liên trả cho bà số tiền vay còn nợ là 260.000.000 đồng và thực hiện theo giao kèo ngày 28/12/2019 mỗi tháng ông T, bà P phải trả 3.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2022 là 29 tháng x 3.000.000 đồng = 87.000.000 đồng, khấu trừ số tiền bà D đã nhận 5.500.000 đồng còn lại 81.500.000 đồng và phải trả tiếp vào ngày cuối cùng của mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi hết số tiền còn lại 173.000.000 đồng.

[2] Đối với số tiền 260.000.000 đồng theo biên nhận ngày 28/12/2019 có viết biên nhận và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An có giám định chữ ký của ông T và chữ viết Lê Văn T với 03 mẫu chữ ký T và Lê Văn T thì do ông T ký và viết Lê Văn T đó là tiền vay có cơ sở xem xét.

[3] Đối với phương thức thanh toán hai bên đã thống nhất mỗi tháng trả 3.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ 260.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2020 đến nay là 29 tháng phải thanh toán số tiền 87.000.000 đồng, bà D đồng ý khấu trừ số tiền bà đã nhận 5.500.000 đồng, còn lại 81.500.000 đồng và số tiền phải trả tiếp hàng tháng là 173.000.000 đồng, đây phương thức thanh toán tự nguyện của hai bên và tại phiên tòa bà D vẫn yêu cầu bà P, ông T phải liên đới trả tiếp vào ngày cuối cùng của mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng tính từ tháng 9 năm 2022 đến khi hết số tiền nợ 173.000.000 đồng.

[4] Về lỗi suất chậm thi hành án bà D không yêu cầu, nên không đề cập đến.

Từ [2] – [3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Ông T, bà P có vay bà D số tiền 260.000.000 đồng tiền vay gốc, ông T, bà P có thỏa thuận đồng ý trả cho bà D hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng, tính từ tháng 3/2020 đến nay ông T, bà P đã vi phạm 29 tháng với số tiền 87.000.000 đồng, sau khi khấu trừ 5.500.000 đồng bà D đã nhận của ông T thì còn lại số tiền 81.500.000 đồng và bà D yêu cầu phải trả số tiền còn nợ là 173.000.000 đồng, bà D đồng ý cho ông T, bà P trả mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng đến khi hết số tiền 173.000.000 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của bà D được chấp nhận về số tiền gốc nên bà D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T, bà P phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà D.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc D đối với ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P (Nguyễn Thị X) về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc D tổng số tiền 254.500.000 đồng (Đã khấu trừ số tiền 5.500.000 đồng) trong đó: Ông T, bà P phải liên đới trả cho bà D số tiền do vi phạm thỏa thuận tính đến nay là 29 tháng số tiền 81.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Còn lại số tiền 173.000.000 đồng ông T, bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả tiếp cho bà Huỳnh Thị Ngọc D với hình thức thanh toán trả cho bà D số tiền 3.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng tính từ tháng 9 năm 2022 đến khi hết số tiền nợ 173.000.000 đồng.

Bà D không yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

**2. Về chi phí giám định:** Bà Huỳnh Thị Ngọc D tự nguyện chịu chi phí giám định là 7.000.000 đồng, bà D đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

**3. Về án phí:**

Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Kim P phải liên đới chịu 12.725.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà D số tiền 6.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005816 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Thành**